

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 221/QĐ-TĐHTPHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

TP. Hồ Chí Minh, năm 2018

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 221/QĐ-TĐHTPCM ngày 19 tháng 3 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh*

Tên chương trình: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành đào tạo: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Mã số: 52850102

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Tầm nhìn: là chương trình đào tạo ngành kinh tế định hướng ứng dụng trong nền kinh tế và các lĩnh vực liên quan ngành tài nguyên môi trường. Đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường và các lĩnh vực liên quan tài nguyên môi trường. Chương trình đào tạo hướng đến chuẩn khu vực và quốc tế: người học có khả năng hội nhập, làm việc và phát triển sự nghiệp trong các môi trường tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế.

- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên giúp người học xây dựng được một nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng và thái độ, hành vi, phẩm chất đạo đức trong các công việc được giao và ứng dụng thực tiễn các công cụ kinh tế tài chính trong nền kinh tế nói chung và trong lĩnh vực tài nguyên môi trường nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, người học được trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm đáp ứng khả năng làm việc và phát triển sự nghiệp tương lai trong các lĩnh vực cụ thể sau:

a, Kiến thức

(MT1) Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

(MT2) Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên phù hợp với ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

(MT3) Có những kiến thức cơ bản ngành, chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp vững chắc, có năng lực chuyên môn sâu về Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, kiến thức chuyên ngành về toán thống kê, hệ thống phân tích dữ liệu thị trường, kinh tế xã hội ...phân tích, thẩm định, triển khai hiệu quả các hoạt động/dự án kinh tế - xã hội các tổ chức, doanh

nghiệp và liên quan các lĩnh vực khai thác tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Kiến thức Định giá/lượng giá/thẩm định các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong hoạt động kinh tế xã hội; áp dụng các phương pháp công cụ mô hình phân tích lượng giá trong thực tế hoạt động tổ chức kinh tế-xã hội, doanh nghiệp. Kiến thức hoạt động định giá tài sản tài nguyên và kiến thức về hệ thống luật, chính sách thuế: triển khai thực hiện hệ thống chính sách/thuế/phí/quản lý tài chính kế toán trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói chung và liên quan đến các lĩnh vực ngành tài nguyên môi trường: tài nguyên đất, khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, biển hải đảo...

b, Kỹ năng

(MT4) Kỹ năng nghe, nói, đọc viết tiếng Anh giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Có khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức lý thuyết đã học về kinh tế tài nguyên thiên nhiên trong thực tiễn công tác quản lý tài nguyên; kỹ năng sử dụng phần mềm phù hợp với chuyên ngành đào tạo như phân tích được chính sách quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên; Có khả năng lập, thẩm định quản lý dự án đầu tư, dự án kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên. Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tố chất cần thiết để đảm nhiệm công tác quản lý tài nguyên.

c, Phẩm chất đạo đức

(MT5) Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả năng định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. Dù năng lực tự khởi nghiệp, là chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

(MT6) Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhận các vị trí như chuyên viên, quản lý ở các bộ phận chức năng.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Kiến thức

- Để đáp ứng các mục tiêu hướng đào tạo cụ thể nêu trên, chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên cung cấp khối kiến thức kỹ năng cơ bản về kinh tế, quản trị chung cho sinh viên, đồng thời sinh viên được lựa chọn một hoặc tất cả các khối kiến thức dưới đây để định hướng đào tạo:

(KT1) Nhóm kiến thức Đại cương: Giúp nhận nhận được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật Nhà nước và công tác An ninh – Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

(KT2) Nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành về: toán và thống kê, hệ thống và phân tích thông tin dữ liệu thị trường, kinh tế xã hội, mô phỏng và mô hình kinh tế... Tiếp theo là các kiến thức về kinh tế học, kinh tế tài nguyên, kinh tế bền vững, hoạt động thương mại kinh doanh liên quan các nguồn lực tài nguyên và môi trường, kinh tế môi trường và những vấn đề trong chính sách quản lý tài nguyên và môi trường; Kiến thức về hoạt động định giá tài sản, tài nguyên, giá trị tổn hại trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đồng thời cung cấp các kiến thức nền tảng và các hệ thống quản trị, mô hình, công cụ về tài chính và giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn về định giá và thẩm định giá tài sản nguồn lực nói chung và liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên môi trường. Kiến thức về hệ thống luật, chính sách, thuế, phí, hệ thống quản trị mô hình và công cụ tài chính kế toán trong các tổ chức doanh nghiệp nói chung và liên quan lĩnh vực tài nguyên môi trường...

(KT3) Nhóm kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp: Giúp hiểu công việc thực tế lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường để có những phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường dưới góc độ kinh tế. Hiểu và vận dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn những kiến thức chuyên môn về khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên

2.2 Kỹ năng

Người học được cung cấp môi trường và khả năng rèn luyện các kỹ năng làm việc thực tiễn như sau:

(KN1) Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn hoạch định, dự báo, phân tích, quản lý trong hoạt động kinh tế xã hội và các vấn đề liên quan ngành tài nguyên môi trường.

(KN2) Kỹ năng triển khai thực hiện điều hành các dự án, nhiệm vụ: tổ chức, phân công trách nhiệm, lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch khi có sự thay đổi.

(KN3) Kỹ năng phối hợp làm việc nhóm, tổ chức thực hiện công việc, phân công trách nhiệm từng thành viên, tiến độ thời gian thực hiện, phối hợp.

(KN4) Kỹ năng truyền đạt thông tin: có kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kết quả nghiên cứu khoa học, hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, trình bày báo cáo dưới dạng văn phong khoa học rõ ràng và chính xác có hiệu quả.

(KN5) Kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho chuyên ngành, áp dụng các công cụ quản trị tài chính và kế toán, các mô hình định giá và thẩm định.

2.3 Thái độ, hành vi, phẩm chất đạo đức

(TD1) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có ý thức phục vụ nhân dân.

(TD2) Có thái độ, lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành nghiêm túc pháp luật và các quy định của tổ chức.

(TD3) Năng động, sáng tạo và cầu tiến trong công việc.

(TD4) Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ đồng thời phát huy ý thức học tập và tự rèn luyện suốt đời

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

a. Kiến thức giáo dục đại cương:

+ Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 43 tín chỉ.

+ Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 30 tín chỉ.

b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 104 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành: 37 TC.

+ Bắt buộc: 29 TC.

+ Tự chọn: 8 TC.

- Kiến thức chuyên ngành (trừ tốt nghiệp): 55 TC.

+ Bắt buộc: 49 TC.

+ Tự chọn: 6 TC.

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC

+ Khóa luận tốt nghiệp: 8 TC.

+ Hoặc các học phần thay thế ĐATN: 0 TC.

Tổng khối lượng: 134 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).

Tổng khối lượng: 147 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ) bố trí các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
- Có các chứng chỉ theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh, chứng chỉ giáo dục thể chất,...);
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành bao gồm hai loại thang điểm:

a) Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích tham chiếu, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Danh sách các học phần và trong chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH/TN	BTL	ĐA	Học kỳ	HP học trước
1. KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			30						
Học phần bắt buộc			26						
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	30	0	0	0	1	
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	45	0	0	0	2	12111001
3	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	4	
4	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4	
5	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1	
6	11131006	Anh văn 1	3	45	0	0	0	1	
7	11131002	Anh văn 2	3	45	0	0	0	2	11131006
8	11111008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	1	
9	11111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	2	11111008

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH/TN	BTL	ĐA	Học kỳ	HP học trước
10	11111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	2	11111008; 11111009
11	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	20	10	0	0	2	
12	30111001	Giáo dục thể chất (*)	5					1	
13	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8					1	
Học phần tự chọn (Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			4						
1	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	1	
2	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	1	
3	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	30	0	0	0	1	
4	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	1	
5	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	15	0	0	0	1	
2. KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			104						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			37						
Học phần bắt buộc			29						
1	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	2	
2	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	2	18021001
3	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	3	18021001
4	18021105	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	3	18021001; 18021002
5	18021030	Tài chính - Tiền tệ	3	45	0	0	0	3	18021001; 18021002
6	18021020	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	3	11111008; 11111009; 11111011
7	18031031	Kinh tế công	3	45	0	0	0	4	18021001; 18021002; 18021020
8	18031002	Kinh tế môi trường	3	45	0	0	0	5	18021001; 18021002
9	18011049	Quản trị học	3	45	0	0	0	4	18021001; 18021002; 18011095
10	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	20	10	0	0	3	
Học phần tự chọn (Chọn ít nhất 8 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			8						
1	11131004	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	3	11131002; 11131006
2	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	30	0	0	0	3	14011002; 18031002; 18021030
3	18021027	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	3	18021020; 18031030

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH/TN	BTL	ĐA	Học kỳ	HP học trước
4	14011004	Sinh thái học	2	30	0	0	0	3	
5	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	30	0	0	0	3	
6	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	30	0	0	0	3	
7	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	30	0	0	0	3	18021001; 18021002
8	14011041	Du lịch sinh thái	2	30	0	0	0	3	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			55						
Học phần bắt buộc			49						
1	18021036	Kiểm toán môi trường	3	45	0	0	0	5	18031002
2	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	4	12121001
3	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	45	0	0	0	7	18031002; 18011136 18021036
4	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	5	18011049; 18021030
5	18021032	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	4	18021021
6	18031021	Kinh tế quốc tế	3	45	0	0	0	5	18031121
7	18031056	Kinh tế phát triển	3	45	0	0	0	4	18021001; 18021002
8	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	0	0	0	6	
9	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	30	0	0	0	6	18031002
10	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	30	0	0	0	6	18031002
11	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	30	0	0	0	6	18031002
12	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	30	0	0	0	6	18031002
13	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	30	0	0	0	6	18031002
14	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	30	0	0	0	6	18031060
15	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	30	0	0	0	7	18031002
16	18031041	Mô hình kinh tế	2	30	0	0	0	6	18021001; 18021002
17	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	30	0	0	0	7	
18	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí	2	30	0	0	0	6	18021030; 18011136
19	18021040	Thẩm định giá	2	30	0	0	0	5	1801104; 18021105; 18031004
20	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	5	18011049
21	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	0	0	0	90	7	
Học phần tự chọn (Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)									

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH/TN	BTL	ĐA	Học kỳ	HP học trước
1	18031049	Thống kê môi trường	2	30	0	0	0	7	
2	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	7	
3	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	30	0	0	0	7	17011003
4	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	30	0	0	0	7	18031002
5	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	30	0	0	0	7	18031002
6	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	30	0	0	0	7	18031002
7	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	30	0	0	0	7	18031002
2.3. Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp									
1	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	360	8	
2	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	480	8	

7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3	
3	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3	
4	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2	
5	12121001	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.		
6	11131006	Anh văn 1	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.	3	
7	11131002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học.	3	
8	11111008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	2	
9	11111009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; ma trận và	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.		
10	11111011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	2	
11	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, các kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh.	2	
12	30111001	Giáo dục thể chất (*)	Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GĐ-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1226/GĐ-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	5	
13	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu	8	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.		
14	14011002	Môi trường và con người	Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.	2	
15	18011002	Tâm lý học quản trị	Môn học cung cấp những kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, tâm lý của cá nhân, tập thể, những kiến thức về giao tiếp, những kiến thức tâm lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, đến người bán hàng, đến công tác quản lý trong lĩnh vực kinh doanh...	2	
16	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	Môn học tối ưu hóa trong kinh doanh trang bị những kiến thức lý thuyết và thực hành về phân phối xác suất thống kê, phân tích hồi quy, phương pháp dự báo định lượng, mô hình toán và phân tích tối ưu, phân tích và ra quyết định.	2	
17	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gần gũi với thực tế.		
18	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh những kiến thức chung về kỹ năng giao tiếp tại công sở, đơn vị làm việc. Qua đó phục vụ tốt hơn cho sinh viên khả năng học tập, cũng như kỹ năng giao tiếp và phát triển trong công việc khi ra trường	1	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành					
19	18021001	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	3	
20	18021002	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	3	
21	18011095	Marketing căn bản	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những	3	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing và thị trường của các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.		
22	18021105	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.	3	
23	18021030	Tài chính - Tiền tệ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Khái quát về tài chính, tiền tệ, tín dụng; lãi suất tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, khái quát thị trường tài chính doanh nghiệp; ngân sách nhà nước; lạm phát tiền tệ.	3	
24	18021020	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh	3	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			<p>ơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.</p>		
25	18031031	Kinh tế công	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Tìm hiểu, phân tích, đánh giá các chính sách của chính phủ áp dụng trong khu vực công. Sự điều tiết của nhà nước thông qua hoạt động chi tiêu công cộng và chính sách thuế khóa.</p>	3	
26	18031002	Kinh tế môi trường	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững; bản chất của hệ thống môi trường; kinh tế học của chất lượng môi trường; những kỹ năng cơ bản của phân tích kinh tế tác động tới môi trường; nguyên lý và những kỹ năng cần thiết trong phân tích chi phí lợi ích và môi trường; những công cụ chủ yếu quản lý môi trường.</p>	3	
27	18011049	Quản trị học	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.</p>	3	
28	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng tư duy, xác lập mục tiêu và lập kế hoạch để đạt mục tiêu; khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc rèn luyện</p>	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			kỹ năng tư duy, lập kế hoạch cho công việc.		
29	11131004	Anh văn chuyên ngành	Môn học tiếng Anh kinh tế giúp người học làm quen và rèn luyện phát triển các phương pháp học liên quan đến khả năng sử dụng tiếng Anh như là một công cụ giao tiếp trong môi trường học thuật. Kết thúc chương trình, người học sẽ: (I) hình thành cho mình phương pháp học đọc hiểu phù hợp và có khoa học; (II) có khả năng đọc sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành liên quan bằng tiếng Anh.	2	
30	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Khoa học môi trường và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu để làm nền tảng cho việc học các môn học khác. Giới thiệu cho học viên các khái niệm và công cụ nghiên cứu khoa học cơ bản như Chuẩn bị đề cương nghiên cứu, Thiết kế và thực hiện nghiên cứu, Cách thành lập bảng câu hỏi, Phương pháp thu thập số liệu, Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu, Phân tích và phát biểu thành lời những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu, cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu,... và các kỹ năng liên quan nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nghiên cứu.	2	
31	18021027	Phân tích định lượng	Thứ nhất, môn học này cung cấp cho học viên khả năng phân tích có tính phê phán đối với các nghiên cứu phân tích định lượng và thực nghiệm được thực hiện bởi các tác giả khác và sử dụng các phân tích này vào việc thiết kế chiến lược kinh doanh. Mục tiêu thứ hai là cung cấp cho học viên những kỹ năng cần thiết để tự mình thực hiện	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			các phân tích định lượng trong kinh doanh.		
32	14011004	Sinh thái học	Cung cấp các kiến thức về mối quan hệ thống nhất giữa sinh vật thuộc các mức tổ chức khác nhau (quần thể, quần xã, hệ sinh thái) với môi trường. Đồng thời mang lại những kiến thức về sự phát triển và tiến hóa của hệ sinh thái và sinh quyển; mối quan hệ giữa con người với tài nguyên, nguyên nhân suy thoái của môi trường và các biện pháp hữu hiệu cho sự phát triển bền vững.	2	
33	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	Sinh viên ghi nhớ, vận dụng những kiến thức, hoàn thiện kỹ năng, áp dụng đa dạng các phương pháp, các hình thức tổ chức học tập môn Hệ thống thông tin Địa lý có chất lượng, hiệu quả. Qua học phần này SV nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về: Những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học.	2	
34	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	Môn học là một cách tiếp cận mới về môi trường trong các nhà máy, doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp bảo vệ môi trường trong nhà máy không còn là giải pháp thụ động như xử lý cuối đường ống nữa mà là những giải pháp chủ động ngăn ngừa chất thải ngay từ nguồn phát sinh như quản lý nội vi trong nhà máy, thay đổi nguồn nguyên liệu, năng lượng sạch, kiểm soát quá trình, thiết kế lại sản phẩm và tái chế, tái sử dụng tại chỗ nguồn chất thải. Chính vì vậy,	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			không những doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn về môi trường mà còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nguyên vật liệu và năng lượng, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, quản lý được chất thải và các nguồn rò rỉ, quản lý chất lượng cả vòng đời sản phẩm, từ đó dễ dàng đạt được các chứng		
35	18021031	Thuế và chính sách thuế	Môn học Thuế cấu trúc bao gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các sắc thuế được áp dụng tại Việt Nam cũng như thế giới như thuế tiêu dùng, thuế sản xuất, thuế tài sản. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: nguyên lý chung trong xây dựng, và áp dụng các sắc thuế, đi sâu vào phân tích, tính toán và kê khai trong thực tiễn. Đây là môn học nền tảng hỗ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, quản lý ngân sách, tài chính công. Kiến thức môn học này là cơ sở cho môn học thuế nâng cao, cũng như các chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên.	2	
36	14011041	Du lịch sinh thái	Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, Vườn quốc gia...	2	
2.2 Kiến thức chuyên ngành					
37	18021036	Kiểm toán môi trường	Giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, ISO 14001; phương pháp kiểm toán môi trường; phương pháp kiểm toán chất thải. Qua đó, có thể xây	3	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			dựng một chương trình kiểm toán môi trường thực tế.		
38	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và chính sách môi trường và các kỹ năng cũng như phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.	2	
39	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	Trang bị cho người học kiến thức về tổng giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường. Trang bị các phương pháp định giá tài nguyên môi trường như phương pháp bộc lộ sự ưa thích như phương pháp chi phí du hành và nhóm phương pháp phát biểu sự ưa thích như phương pháp chi phí ngẫu nhiên.	3	
40	18011136	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,..	3	
41	18021032	Kế toán tài chính	Khái quát hệ thống kế toán tài chính Các nghiệp vụ kế toán như: Kế toán lương, Kế toán tiền mặt – ngân hàng, Kế toán công nợ (Kế toán các khoản phải thu, Kế toán các khoản phải trả), Kế toán doanh thu, Kế toán chi phí (Kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý), Kế toán các khoản ứng trước, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định, Kế toán tổng hợp,...	3	
42	18031021	Kinh tế quốc tế	Học phần cung cấp kiến thức về các mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các khu vực trên thế giới thông qua mậu dịch quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính quốc tế. Dựa trên cơ sở của kinh tế học, kinh tế quốc tế nghiên cứu lý thuyết cổ	3	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			điều và lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế; chính sách thuế quan và chính sách phi thuế quan; các hình thức liên kết kinh tế quốc tế; mậu dịch quốc tế ở các nước đang phát triển; sự di chuyển nguồn lực quốc tế và một số vấn đề về tài chính quốc tế như thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và hệ thống tài chính và tiền tệ quốc tế.		
43	18031056	Kinh tế phát triển	Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữ tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế kinh tế: Lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, chính sách công nghiệp, tài chính và ngoại thương; ngoài ra môn học còn nghiên cứu sự vận dụng vào chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam.	3	
44	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	Cung cấp kiến thức cơ sở ngành về khoa học môi trường. Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về môi trường, chức năng của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, công tác quản lý môi trường, các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.	2	
45	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	Kinh tế tài nguyên đất là một môn học có sự gắn kết giữa những vấn đề lý luận trong kinh tế và các vấn đề kỹ thuật liên quan đến sử dụng	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			đất. Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản để có thể đưa ra các ứng xử hợp lý trong việc sử dụng nguồn lực trên cơ sở thực tế của mình. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra những kiến thức để phân tích và lựa chọn các chính sách quản lý phù hợp khuyến khích người dân nâng cao hiệu quả trong sử dụng nguồn lực đất của mình.		
46	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	Học phần sẽ cung cấp kiến thức có liên quan về việc kinh tế có liên quan và đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài nguyên nước. Sau đó, sẽ giới thiệu các nguyên tắc kinh tế, khái niệm và lý thuyết để xây dựng nền tảng kinh tế cho sự hiểu biết các vấn đề nước. Dựa trên nền tảng kinh tế, học phần sẽ tiếp tục xây dựng, tổng hợp các phương pháp kinh tế để quản lý nước, bao gồm cả số lượng và các công cụ chính sách dựa trên giá cả, vai trò thể chế, và lợi ích chi phí phân tích.	2	
47	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	Học phần sẽ cung cấp các nội dung liên quan đến: Giá trị của tài nguyên rừng; Động lực, mục tiêu, và kỹ thuật quản lý tài nguyên rừng; Mục đích của phân tích kinh tế rừng; Thảm họa thiên nhiên và mô hình của Reed; Quản lý đa dụng; Quản lý rừng bền vững.	2	
48	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	Mục đích của học phần này là phát triển các kỹ năng kinh tế tiên tiến áp dụng cho vấn đề phát triển và tài nguyên biển và hải đảo của thế giới. Học phần sẽ tập trung nhiều vào kỹ thuật phân tích và hướng dẫn liệu có thể giúp làm sáng tỏ các chi phí và lợi ích của các chính sách khác nhau trong phân tích đối với biển và hải đảo, cũng như cách sử	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			dụng một loạt các số liệu và kết hợp các giá trị môi trường - xã hội.		
49	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	Học phần cung cấp các nội dung như: Tổng quan về thủy sản trên thế giới, nuôi trồng thủy sản, và các thị trường cho cá. Các luật biển và lịch sử phát triển của nó, các tổ chức quốc gia và quốc tế đối phó với quản lý nghề cá; Phân tích các giá trị kinh tế và giá trị môi trường đối với ngành thủy sản. Các phương pháp thiếu hiệu quả và nhu cầu quản lý phát sinh từ nguồn thủy sản - Làm thế nào để giải quyết những vấn đề này? Thị trường tài chính và các sản phẩm tài chính của cá; Các lý thuyết về hợp đồng tài chính; hợp đồng tài chính có thể giúp các đơn vị khai thác thủy sản hay không?	2	
50	18031007	Kinh tế ô nhiễm	Học phần giúp cho SV hiểu biết khái niệm và cách tiếp cận mang tính nguyên lý về ô nhiễm tối ưu, các công cụ chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Thực trạng ô nhiễm môi trường Việt Nam và quản lý ô nhiễm môi trường chất thải hiện tại. Học phần gồm 8 chương. Bắt đầu bằng chương tổng quan về chất ô nhiễm. Chương 2 đi sâu vào những vấn đề cơ bản của kinh tế ô nhiễm. Chương 3 giới thiệu phương pháp tiếp cận của kinh tế ô nhiễm. Chương 4,5,6 đi sâu vào kinh tế học của quản lý từng loại chất ô nhiễm. Chương cuối cùng trình bày các công cụ kinh tế để giải quyết vấn đề ô nhiễm hiện nay.	2	
51	14011026	Đánh giá tác động môi trường	Trang bị phần kiến thức cơ bản của phương pháp, công cụ, bước đi trong đánh giá tác động môi trường và lấy môi trường Đất làm trọng tâm trong việc phân tích và đưa ra các đánh giá. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các phương	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			pháp và quy trình đánh giá tác động môi trường cũng như cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể thực hiện những đánh giá về kinh tế cho một báo cáo đánh giá tác động môi trường.		
52	18031041	Mô hình kinh tế	Cung cấp một công cụ lý thuyết mô tả các quá trình kinh tế thông qua các biến số kinh tế và những mối quan hệ logic và định lượng giữa các biến số đó. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp kiến thức cơ bản về mô hình tăng trưởng kinh tế như mô hình cổ điển, K.Mars, Keynes hay tăng trưởng kinh tế hiện đại... để xác định và lượng hóa vai trò của các nhân tố dẫn đến tăng trưởng kinh tế.	2	
53	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, các khái niệm về tài nguyên thiên nhiên, mối liên hệ và các vấn đề liên quan giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sức khỏe cộng đồng, kiến thức về các hình thái tài nguyên và các vấn đề cần quan tâm hiện nay ảnh hưởng đến tài nguyên, các biện pháp quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.	2	
54	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí	Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp phân tích lợi ích chi phí của một dự án, một quyết định đầu tư trong tương lai làm cơ sở khoa học cho việc ra quyết định lựa chọn dự án, hay các quyết định đầu tư mang lại hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp và xã hội.	2	
55	18021040	Thẩm định giá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thẩm định giá tài sản, trên cơ sở đó giúp sinh viên có đủ kiến thức để học tiếp các học phần như thẩm định giá bất động	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			sản, thẩm định giá máy thiết bị, thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá tài sản vô hình. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về thẩm định giá, cơ sở giá trị của thẩm định giá, các nguyên tắc thẩm định giá, các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản.		
56	18011045	Quản trị dự án	Môn Quản trị dự án đầu tư trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về quản lý dự án, bao gồm các nội dung: Lý thuyết cơ bản và hiện đại về dự án và quản lý dự án đầu tư phát triển; Các mô hình tổ chức QLDA trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng; Nội dung chủ yếu của QLDA (Quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý nhân sự dự án, Phân phối nguồn lực dự án, quản lý chất lượng dự án, đánh giá và giám sát dự án...); Thực hành công tác QLDA trên cơ sở các bài tập tình huống do các nhà quản lý dự án chuyên nghiệp xây dựng	3	
57	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT (có thể điều chỉnh, cập nhật), mỗi sinh viên chọn một đề tài/ chủ đề thuộc nội dung của hoạt động doanh nghiệp để thực hiện. Nội dung đề án chuyên ngành Kinh tế tài nguyên môi trường phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian 3 năm trở lại đây tại một đơn vị hay tổ chức nào đó, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
58	18031049	Thống kê môi trường	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Thống kê hiện trạng môi trường, phân tích thống kê môi trường, phân tích dự án môi trường và các vấn đề về thống kê trong doanh nghiệp môi trường	2	
59	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về công nghệ môi trường, những nguyên lý, nguyên tắc của các phương pháp được áp dụng trong xử lý khí thải, nước thải và chất thải rắn. Giúp sinh viên vận hành, xây dựng được một số công nghệ xử lý chất thải môi trường.	2	
60	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	Môn học nghiên cứu cấu trúc dữ liệu không gian, sử dụng dữ liệu không gian để biểu diễn các thành phần của môi trường, sử dụng các thuật toán phân tích không gian để mô tả môi trường, giải những bài toán quản lý môi trường như theo dõi diễn biến môi trường, đánh giá tác động môi trường, v.v... Môn học cũng sử dụng các công cụ xử lý ảnh, rút trích thông tin từ ảnh vệ tinh để làm phong phú thêm các dữ liệu về môi trường trong không gian. Tích hợp các công nghệ xử lý dữ liệu không gian và xử lý ảnh vệ tinh để biểu diễn, xử lý các bài toán môi trường theo không gian và thời gian thực hoặc gần thực.	2	
61	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	Cung cấp kiến thức chuyên ngành, kỹ năng phân tích để giải quyết các vấn đề cấp bách hiện nay đối với xã hội là biến đổi khí hậu. Nội dung học phần bao gồm khái niệm, thực trạng và tác động của vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Học phần cung cấp cho sinh viên các thông số xác định sự thay đổi của khí hậu và áp dụng phương pháp phân tích lợi ích chi phí để đánh giá thiệt hại	2	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			cũng như chi phí đầu tư để giảm thiểu các tác động đó lên con người và hệ thống kinh tế từ đó đưa ra các chính sách phù hợp để giải quyết vấn đề này.		
62	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	Lý thuyết cơ sở về xử lý chất thải, nêu nguồn gốc phát sinh, phân loại, thành phần và tính chất của chất thải, trình bày nguyên tắc cơ bản để xử lý chất thải, phân tích bản chất, nguyên tắc ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải, đưa ra các phương pháp tính toán đối với phương pháp thải bỏ cuối cùng chất thải.	2	
63	18031045	Kinh tế khoáng sản	Cung cấp những kiến thức về: Khoa học kinh tế và nguyên liệu khoáng, hệ thống đánh giá kinh tế khoáng sản. Học phần bao gồm những nội dung chính như: Tổng quan kinh tế nguyên liệu khoáng sản, quan điểm và nguyên tắc đánh giá kinh tế tài nguyên khoáng sản, các yếu tố quyết định giá trị kinh tế khoáng sản, hệ thống các phương pháp đánh giá kinh tế khoáng sản, nội dung và phương pháp lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và khả thi đầu tư phát triển khoáng sản.	2	
64	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	Một hệ thống năng lượng bền vững là gì? Làm thế nào có thể tái tạo năng lượng cung cấp một tỷ lệ lớn hơn nhu cầu năng lượng của chúng ta trong những thập kỷ tới? Những đánh giá và phân tích kinh tế để lựa chọn phương pháp tái tạo năng lượng mang lại hiệu quả kinh tế cho quốc gia và doanh nghiệp. Trong học phần này sẽ khám phá những câu hỏi này bằng cách xem xét một cách hệ thống các phương pháp tái tạo năng lượng và đánh giá lợi ích kinh tế của nó.	2	
2.3. Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp					

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
65	18011037	Thực tập tốt nghiệp	<p>Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT:</p> <p>+ Nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian 3 năm trở lại đây, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.</p> <p>+ Kết cấu chuyên đề tốt nghiệp ngành Kinh tài nguyên môi trường ngoài phần mở đầu và phần kết luận, được thiết kế 3 chương. Chương 1 là cơ sở lý luận về lĩnh vực phân tích, Chương 2 phân tích thực trạng, Chương 3 là các định hướng giải pháp hoàn thiện. Ngoài ra, có những đề tài định lượng số lượng chương được thiết kế theo yêu cầu của người hướng dẫn.</p> <p>+ Chuyên đề thực tập tốt nghiệp phải có xác nhận và đóng dấu của cơ sở thực tập.</p>	4	
66	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	<p>Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường:</p> <p>+ Nội dung Khóa luận tốt nghiệp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian 3 năm trở lại đây, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.</p> <p>+ Kết cấu Khóa luận tốt nghiệp ngành Kinh tài nguyên môi trường ngoài phần mở đầu và phần kết luận, được thiết kế 3 chương. Chương 1 là cơ sở lý luận về lĩnh vực phân tích, Chương 2 phân tích thực trạng, Chương 3 là các giải</p>	8	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			pháp hoàn thiện. Ngoài ra, có những đề tài định lượng số lượng chương được thiết kế theo yêu cầu của người hướng dẫn.		

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	11131006	Anh văn 1	3	45	0	0	0	0		
2	11111008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	0		
3	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0		
4	12111001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	30	0	0	0	0		
5	20111001	Giáo dục Quốc phòng (*)	8							
6	30111001	Giáo dục thể chất (*)	5							
<i>Chọn ít nhất 4 TC trong các HP tự chọn sau:</i>										
7	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0		
8	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0		
9	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0		
10	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0		
11	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	15	0	0	0	0		
Tổng			13							

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	11131002	Anh văn 2	3	45	0	0	0	0		
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	45	0	0	0	0		
3	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0		
4	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0		
5	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	2	20	10	0	0	0		
6	11111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0		
7	11111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	0		
Tổng			18							

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0		
2	18021030	Tài chính - tiền tệ	3	45	0	0	0	0		
3	18021020	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0		
4	18021105	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0		
5	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	30	0	0	0	0		
<i>Chọn ít nhất 8 TC trong các HP tự chọn sau:</i>										
6	11131004	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0		
7	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	30	0	0	0	0		
8	18021027	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0		
9	14011004	Sinh thái học	2	30	0	0	0	0		
10	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	30	0	0	0	0		
11	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	30	0	0	0	0		
12	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	30	0	0	0	0		
13	14011041	Du lịch sinh thái	2	30	0	0	0	0		
Tổng			22							

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0		
2	18011049	Quản trị học	3	45	0	0	0	0		
3	18021032	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0		
4	18031056	Kinh tế phát triển	3	45	0	0	0	0		
5	18031031	Kinh tế công	3	45	0	0	0	0		
6	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0		
7	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0		
Tổng			19							

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0		
2	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0		
3	18031021	Kinh tế quốc tế	3	45	0	0	0	0		
4	18031002	Kinh tế môi trường	3	45	0	0	0	0		

5	18021036	Kiểm toán môi trường	3	45	0	0	0	0		
6	18021040	Thẩm định giá	2	30	0	0	0	0		
Tổng			17							

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	0	0	0	0		
2	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	30	0	0	0	0		
3	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	30	0	0	0	0		
4	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	30	0	0	0	0		
5	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	30	0	0	0	0		
6	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	30	0	0	0	0		
7	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	30	0	0	0	0		
8	18031041	Mô hình kinh tế	2	30	0	0	0	0		
9	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí	2	30	0	0	0	0		
Tổng			18							

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	0	0	0	90	0		
2	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	30	0	0	0	0		
3	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	30	0	0	0	0		
4	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	45	0	0	0	0		
<i>Chọn ít nhất 6 TC trong các HP tự chọn sau:</i>										
5	18031049	Thống kê môi trường	2	30	0	0	0	0		
6	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0		
7	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	30	0	0	0	0		
8	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	30	0	0	0	0		
9	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	30	0	0	0	0		
10	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	30	0	0	0	0		
11	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	30	0	0	0	0		
Tổng			15							

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	360	0		
2	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	480	0		
Tổng			12							

9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng có trình độ, có kinh nghiệm giảng dạy, có thâm niên trong nghề; Các giảng viên cơ hữu hầu hết đều đã tốt nghiệp thạc sĩ và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác.

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Họ và tên giáo viên (Hoặc đơn vị)
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	Khoa LLCT
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	Khoa LLCT
3	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa LLCT
4	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa LLCT
5	12121001	Pháp luật đại cương	2	Khoa LLCT
6	11131006	Anh văn 1	3	BM Tiếng Anh
7	11131002	Anh văn 2	3	BM Tiếng Anh
8	11111008	Toán cao cấp 1	2	BM Toán
9	11111009	Toán cao cấp 2	2	BM Toán
10	11111011	Xác suất thống kê	2	BM Toán
11	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	BM KH Quản lý kinh tế
12	30111001	Giáo dục thể chất (*)	5	BM GDTC
13	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8	TTGDQP QK7
14	14011002	Môi trường và con người	2	Khoa Môi trường
15	18011002	Tâm lý học quản trị	2	BM KH Quản lý kinh tế
16	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	BM KH Quản lý kinh tế
17	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	BM Kinh tế
18	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	BM Kinh tế
19	18021001	Kinh tế vi mô	3	BM Kinh tế

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Họ và tên giáo viên (Hoặc đơn vị)
20	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	BM Kinh tế
21	18011095	Marketing căn bản	3	BM KH Quản lý kinh tế
22	18021105	Nguyên lý kế toán	3	BM Kinh tế
23	18021030	Tài chính - Tiền tệ	3	BM Kinh tế
24	18021020	Kinh tế lượng	3	BM Kinh tế
25	18031031	Kinh tế công	3	BM Kinh tế
26	18031002	Kinh tế môi trường	3	BM Kinh tế
27	18011049	Quản trị học	3	BM KH Quản lý kinh tế
28	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	BM KH Quản lý kinh tế
29	11131004	Anh văn chuyên ngành	2	BM Kinh tế
30	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	BM Kinh tế
31	18021027	Phân tích định lượng	2	BM Kinh tế
32	14011004	Sinh thái học	2	Khoa Môi trường
33	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	Khoa Hệ thống TTVT
34	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	BM Kinh tế
35	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	BM Kinh tế
36	14011041	Du lịch sinh thái	2	Khoa Môi trường
37	18021036	Kiểm toán môi trường	3	BM Kinh tế
38	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	BM Kinh tế
39	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	BM Kinh tế
40	18011136	Quản trị tài chính	3	BM Kinh tế
41	18021032	Kế toán tài chính	3	BM Kinh tế
42	18031021	Kinh tế quốc tế	3	BM Kinh tế
43	18031056	Kinh tế phát triển	3	BM Kinh tế
44	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	Khoa Môi trường
45	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	BM Kinh tế
46	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	BM Kinh tế
47	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	BM Kinh tế
48	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	BM Kinh tế
49	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	BM Kinh tế
50	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	BM Kinh tế

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Họ và tên giáo viên (Hoặc đơn vị)
51	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	Khoa Môi trường
52	18031041	Mô hình kinh tế	2	BM Kinh tế
53	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	BM Kinh tế
54	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí	2	BM Kinh tế
55	18021040	Thẩm định giá	2	BM Kinh tế
56	18011045	Quản trị dự án	3	BM Kinh tế
57	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	BM Kinh tế
58	18031049	Thống kê môi trường	2	BM Kinh tế
59	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	Khoa Môi trường
60	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	Khoa Môi trường
61	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	BM Kinh tế
62	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	BM Kinh tế
63	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	BM Kinh tế
64	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	BM Kinh tế
65	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	BM Kinh tế
66	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	BM Kinh tế

1) Chương trình **Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên** được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 134 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trưởng Khoa / Bộ môn Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa / Bộ môn Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

10. Đề cương chi tiết các học phần: (có Phụ lục kèm theo)
(Thực hiện theo mẫu tại BM.06-QT-ĐT-02 - 2018)



PGS. TS. Phan Đình Tuấn

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PGS. TS. Lê Hoàng Nghiêm

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Văn Thị Thái Thu